

NHỮNG BẤT CẬP, VƯỚNG MẮC CỦA CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG

ĐẦU TƯ, KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Thực hiện bởi nhóm Nhóm phân tích chính sách - Hội các Nhà quản trị doanh nghiệp Việt Nam (VACD)

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
1	Điều 23 và Điều 26 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 “Điều 23. Thực hiện hoạt động đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1. Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC nếu tổ chức kinh tế đó thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.	Điều 23 và Điều 26 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã quy định rõ với trường hợp nào thì Nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế đang hoạt động tại Việt Nam. Với những trường hợp còn lại thì Nhà đầu tư nước ngoài không phải thực hiện thủ tục nói trên. Trên thực tế, để thận trọng, tùy vào từng thời điểm và tùy thuộc vào quan điểm của mình, Cơ quan đăng ký Kinh doanh vẫn yêu cầu Nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế đang hoạt động tại Việt Nam. Đề nghị nói trên làm gia tăng thủ tục hành chính, lãng phí cả về thời gian, công sức và chi phí cho Nhà Đầu tư.	Quy định rõ việc Cơ quan đăng ký Kinh doanh không được yêu cầu Nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế đang hoạt động tại Việt Nam nếu Luật không bắt buộc	Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	2. Tổ chức kinh tế không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này thực hiện điều kiện và thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư trong nước khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế khác; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. 3. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được thành lập tại Việt Nam nếu có dự án đầu tư mới thì làm thủ tục thực hiện dự án đầu tư đó mà không nhất thiết phải thành lập tổ chức kinh tế mới. 4. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục đầu tư thành lập tổ chức kinh tế và về thực hiện hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”. “Điều 26. Thủ tục đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp 1. Nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế phải đáp ứng các điều kiện và thực hiện thủ tục thay đổi thành viên, cổ đông theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.			

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	2. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế trước khi thay đổi thành viên, cổ đông nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp làm tăng tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế kinh doanh ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; b) Việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp dẫn đến việc nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật này nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế trong các trường hợp: tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài từ dưới hoặc bằng 50% lên trên 50%; tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu trên 50% vốn điều lệ trong tổ chức kinh tế; c) Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới; xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có			

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh. 3. Nhà đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện thủ tục thay đổi cổ đông, thành viên theo quy định của pháp luật có liên quan khi góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế. Trường hợp có nhu cầu đăng ký việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế, nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế quy định tại Điều này”			
2	Khoản 3 Điều 68, Khoản 3 Điều 87, Khoản 5, Điều 112 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Cụ thể. Khoản 3 Điều 68 “Điều 68. Tăng, giảm vốn điều lệ 3. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây: a) Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập	Theo quy định tại các Điều nói trên, thì Công ty TNHH và Công ty Cổ phần được phép giảm Vốn Điều lệ để hoàn trả lại một phần vốn góp cho các Thành viên/Cổ đông theo quy định. Theo Điều 30 Luật Doanh nghiệp 2020 thì Doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi. Quy định này có nghĩa là doanh nghiệp phải thực hiện hoàn trả vốn trước, sau đó mới thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế với doanh nghiệp	Nên xem xét đưa hướng dẫn cụ thể về việc khi nào Công ty có thể hoàn trả một phần vốn góp về cho Công ty mẹ/thành viên/Cổ đông để doanh nghiệp xác định được thời điểm thích hợp nộp Hồ sơ đăng ký thay đổi doanh nghiệp cũng như hoàn trả một phần vốn góp về cho Công ty mẹ. Từ đó cũng tạo điều kiện lợi cho cả Cơ quan Đăng ký kinh doanh và Ngân hàng khi họ có cơ sở pháp lý rõ ràng để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện.	Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	<i>doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;</i> ... - Khoản 3, Điều 87 “Điều 87. Tăng, giảm vốn điều lệ 3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây: a) Hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty; ...” - Khoản 5, Điều 112 “Điều 112. Vốn của công ty cổ phần 5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây: a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ	có vốn đầu tư nước ngoài thì Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản vốn chỉ chấp thuận việc cho phép doanh nghiệp hoàn trả vốn cho Thành viên/Cổ đông sau khi doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh (ghi nhận việc Vốn Điều lệ đã được giảm). Yêu cầu nói trên của phía Ngân hàng đã gây ra khó khăn cho doanh nghiệp do do doanh nghiệp không thể thực hiện việc đăng ký giảm vốn Điều lệ theo quy định tại Điều 30 Luật Doanh nghiệp năm 2020		

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;”			
3	Khoản 10, Điều 27 Nghị Định 31/2021/NĐ-CP quy định: “10. Dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên không được điều chỉnh, gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư gồm: a) Dự án sử dụng dây chuyền công nghệ khi hoạt động không đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; hoặc công suất (tính theo số lượng sản phẩm được tạo ra bởi dây chuyền công nghệ trong một đơn vị thời gian) hoặc hiệu suất của dây chuyền công nghệ còn lại dưới 85% so với công suất hoặc hiệu suất thiết kế; hoặc mức tiêu hao nguyên, vật liệu, năng lượng vượt quá 15% so với thiết kế. Trường hợp không có Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết	Trên thực tế, với mỗi dự án đầu tư đều có rất nhiều máy móc, thiết bị khác nhau có tuổi đời trên 10 năm. Tuy nhiên không phải máy móc, thiết bị nào cũng thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên. Đến thời điểm hiện tại, Bộ Khoa học và Công nghệ chưa ban hành hướng dẫn xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; Do đó, không có cơ sở để đánh giá máy móc, thiết bị trong quá trình thực hiện thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư. Trên thực tế có rất nhiều nhà đầu tư/doanh nghiệp đang trong quá trình xin gia hạn thời hạn hoạt động của Dự án. Tuy nhiên, Cơ quan đăng ký Đầu tư không có sở để phê duyệt đề nghị của nhà đầu tư/doanh nghiệp. Điều đó dẫn đến tâm lý hoang mang cho nhà đầu tư/doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam.	Nên xem xét việc bỏ quy định về tuổi máy móc thiết bị trên 10 năm như quy định tại Khoản 10, Điều 27 Nghị Định 31/2021/NĐ-CP, hoặc có hướng mở cho nhà đầu tư/doanh nghiệp thông qua việc cho phép nhà đầu tư/doanh nghiệp tự cam kết rằng tuy máy móc, thiết bị của họ đã trên 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	<i>kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường liên quan đến dây chuyền công nghệ của dự án thì áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật của tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường;</i> <i>b) Dự án sử dụng máy móc, thiết bị để sản xuất có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam có tuổi vượt quá 10 năm hoặc khi hoạt động không đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường. Trường hợp không có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường liên quan đến máy móc, thiết bị của dự án thì áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc gia của một trong các nước G7, Hàn Quốc về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.</i> <i>Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu,</i>			

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	<i>tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên</i>			
4	Khoản 20, Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12	Vướng mắc về truy thu thuế GTGT tại khâu nhập khẩu đối với hàng hóa do nhà thầu phụ nhập khẩu để cung cấp cho DNCX Tại các công văn số 2870/BTC-TCHQ ngày 05/3/2013, số 12366/BTC-TCHQ ngày 17/9/2013, số 1697/BTC-TCHQ ngày 08/02/2014, Bộ Tài chính và Tổng Cục hải quan đã căn cứ quy định tại Khoản 20, Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 và hướng dẫn rằng ‘Các nhà thầu chính, nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hóa để xây dựng nhà xưởng, văn phòng làm việc cho chủ đầu tư là doanh nghiệp chế xuất thì số hàng hóa nhập khẩu đó cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT’. Theo đó, các doanh nghiệp là nhà thầu phụ của chủ đầu tư là doanh nghiệp chế xuất đã thực hiện kê khai nhập khẩu hàng hóa để xây dựng cho chủ đầu tư là doanh nghiệp chế xuất. Các hàng hóa này sau khi nhập khẩu được đưa thẳng vào doanh nghiệp chế xuất, chỉ được sử dụng trong doanh nghiệp chế xuất. Do vậy, hàng hóa nhập khẩu nêu trên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định của Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và Tổng Cục Hải quan. Các hàng hóa này đã được sử dụng cho hoạt động xây dựng trong doanh nghiệp	Để tạo lập sự nhất quán trong việc áp dụng chính sách, quy định của pháp luật cũng như tạo sự công bằng, bình đẳng giữa các doanh nghiệp/nhà đầu tư, chúng tôi kiến nghị TCHQ hướng dẫn không yêu cầu các doanh nghiệp là nhà thầu phụ phải kê khai bổ sung và nộp thuế GTGT tại khâu nhập khẩu, nếu thực tế hàng hóa đã nhập khẩu chỉ được sử dụng cho hoạt động xây dựng trong doanh nghiệp chế xuất, và nhà thầu phụ đã xuất hóa đơn GTGT đầu ra và nộp đầy đủ thuế GTGT với cơ quan thuế nội địa.	Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
		chế xuất, sau đó, được nhà thầu phụ xuất hóa đơn với thuế suất thuế GTGT 10% cho toàn bộ giá trị công trình xây dựng hoàn thành. Hóa đơn GTGT đầu ra đã được nhà thầu phụ kê khai và nộp thuế đầy đủ cho cơ quan thuế nội địa. Mặc dù vậy, gần đây, một số Chi cục hải quan địa phương đã tiếp tục yêu cầu các doanh nghiệp là nhà thầu phụ phải thực hiện kê khai lại tờ khai hải quan nhập khẩu, và nộp bổ sung thuế GTGT liên quan đến các hàng hóa nhập khẩu để xây dựng cho chủ đầu tư là doanh nghiệp chế xuất.		
5	Theo Nghị định 69/2024/NĐ-CP do Chính phủ ban hành về định danh và xác thực điện tử, kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025, các tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia và hệ thống thủ tục hành chính (bao gồm cả thuế điện tử) sẽ không còn hiệu lực. Các doanh nghiệp và tổ chức chỉ được phép sử dụng tài khoản định danh điện tử do Bộ Công an cấp để thực hiện các thủ tục hành chính điện tử.	Để đảm bảo có thể thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến (bao gồm cả việc nộp tờ khai thuế điện tử qua cổng thông tin thuedientu.gdt.gov.vn), Công ty cần phải đăng ký tài khoản định danh điện tử cho tổ chức. Tuy nhiên, trường hợp doanh nghiệp có người đại diện Pháp luật là người nước ngoài thì hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể quy trình thủ tục cấp mã định danh cá nhân cho người đại diện pháp luật theo ủy quyền. Theo đó, thực tế các doanh nghiệp có Người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài đang chưa thể đăng ký được tài khoản định danh điện tử cho tổ chức.	Nên lùi thời hạn áp dụng đối với các doanh nghiệp có người đại diện Pháp luật là người nước ngoài để các doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị và đăng ký đầy đủ tài khoản định danh điện tử cho tổ chức. Ngoài ra, để giảm thủ tục hành chính, dựa trên thực tế hiện các doanh nghiệp đã được cấp mã số doanh nghiệp để thực hiện mọi thủ tục hành chính như đăng ký kinh doanh, báo cáo hoạt động, kê khai thuế, bảo hiểm xã hội... , chúng tôi khuyến nghị Chính phủ cân nhắc đối với doanh nghiệp, được phép sử dụng chính MST doanh nghiệp đã được cấp làm mã số định danh điện tử.	Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp
6	Danh mục ưu đãi thuế TNDN	Quy định về Thuế TNDN tại Nghị định 218 ban hành danh mục địa bàn khó	Đề nghị Bộ Tài chính xem xét có hướng dẫn cho phép sử dụng danh mục địa	Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
		khăn/đặc biệt khó khăn, và theo quy định thì nếu DN đầu tư mở rộng tại địa bàn khó khăn thì áp dụng tiêu chí tổng nguyên giá tài sản tăng trên 10 tỷ sẽ được lựa chọn áp dụng ưu đãi thuế TNDN. Tuy nhiên, danh mục địa bàn khó khăn/đặc biệt khó khăn đã bị thay thế bởi danh mục kèm theo nghị định 31 hướng dẫn Luật đầu tư, trong đó khu công nghiệp thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn, nhưng không có hướng dẫn cụ thể về Thuế TNDN cho phép áp dụng danh mục địa bàn tại Nghị định 31 để áp dụng các tiêu chí tương ứng trong việc xác định ưu đãi Thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng tại khu công nghiệp và địa bàn khó khăn/đặc biệt khó khăn nói chung, dẫn đến khó khăn trong việc thực thi và tăng nhiều thủ tục hành chính cho Doanh nghiệp.	bàn khó khăn/đặc biệt khó khăn ban hành kèm nghị định hướng dẫn luật đầu tư trong việc áp dụng các tiêu chí để xác định dự án đầu tư mở rộng đủ/không đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế TNDN theo thông tư 78.	
7	Quy định về đăng ký thuế và thay đổi thông tin đăng ký thuế tại Thông tư 86/2024/TT-BTC: “Điều 4. Đối tượng đăng ký thuế ...2. Người nộp thuế thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế, bao gồm: ...g) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho người nộp thuế khác phải kê khai và xác định nghĩa vụ thuế riêng so với nghĩa vụ của người nộp thuế	Doanh nghiệp phát sinh các giao dịch kê khai thuế thay nhà thầu nước ngoài, bao gồm cả kê khai thuế thay các tổ chức nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng vốn tại Việt Nam thì hiện tại đang sử dụng mã số thuế nhà thầu đã đăng ký theo quy định hiện hành. Để được cấp mã số thuế nhà thầu, doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký thuế lần đầu theo mẫu biểu 04.1-DK-TCT đi kèm bảng kê danh sách các nhà thầu phát sinh tại thời điểm đó theo mẫu 04.1-DK-TCT-BK. Tuy nhiên, quy định hiện hành không có quy định, hướng dẫn cụ thể mỗi khi doanh nghiệp phát sinh thêm nhà thầu mới thì có phải làm thông báo	Đề xuất quy định bỏ bảng kê danh sách nhà thầu	Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	<i>theo quy định của pháp luật về quản lý thuế (trừ cơ quan chi trả thu nhập khi khấu trừ, nộp thay thuế thu nhập cá nhân); ... (sau đây gọi là Tổ chức, cá nhân khấu trừ nộp thay). Tổ chức chi trả thu nhập khi khấu trừ, nộp thay thuế thu nhập cá nhân sử dụng mã số thuế đã cấp để khai, nộp thuế thu nhập cá nhân khấu trừ, nộp thay.</i> “Điều 7. Địa điểm nộp và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu <i>Địa điểm nộp và hồ sơ đăng ký thuế lần đầu đối với tổ chức đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31; khoản 2 Điều 32 Luật Quản lý thuế và các quy định sau:</i> <i>6. Đối với người nộp thuế là tổ chức khấu trừ nộp thay và tổ chức được cơ quan thuế ủy nhiệm thu quy định tại điểm g, m khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan thuế như sau:...”</i> “Mục 2. THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ Điều 10. Địa điểm nộp và hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế <i>Địa điểm nộp và hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với tổ chức thực hiện theo quy định tại</i>	bổ sung danh sách nhà thầu mới theo mẫu bảng kê nêu trên không. Theo thực tế quan sát, nhiều cục thuế địa phương yêu cầu doanh nghiệp mỗi khi có nhà thầu mới cần nộp mẫu 04.1-ĐK-TCT-BK để thông báo/đăng ký nhà thầu mới tới cơ quan thuế trước khi kê khai thuế thay cho nhà thầu này. Trên thực tế, doanh nghiệp chỉ cần dùng một mã số thuế nhà thầu để kê khai thuế thay cho tất cả các nhà thầu nước ngoài phát sinh nên việc phải kê khai danh sách bảng kê nhà thầu nộp cơ quan thuế không mang lại lợi ích mà ngược lại việc quy định không rõ ràng dẫn đến yêu cầu phải thông báo/đăng ký nhà thầu mới gây bất cập, tốn nhiều thời gian của doanh nghiệp, đặc biệt với các doanh nghiệp có nhiều nhà thầu mới thường xuyên phát sinh.		

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	Điều 36 Luật Quản lý thuế và các quy định sau: 1. Thay đổi thông tin đăng ký thuế nhưng không làm thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp... a) Người nộp thuế đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh khi có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế cùng với việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh. b) Người nộp thuế theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, h, n khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp như sau:... c) Người nộp thuế là nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hợp đồng dầu khí quy định tại điểm h khoản 2 Điều 4 Thông tư này khi chuyển nhượng phần vốn góp trong tổ chức kinh tế hoặc chuyển nhượng một phần quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí, nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi người điều hành đặt trụ sở hoặc tại Cục Thuế doanh nghiệp lớn trong trường hợp người điều hành được phân công cho Cục Thuế doanh nghiệp lớn quản lý..."			

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
8	Theo quy định về đối soát dữ liệu xuất hóa đơn tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP bao gồm: “a) Đối với các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác gồm: Trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này), cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, nước, dịch vụ truyền hình, dịch vụ quảng cáo truyền hình, dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ bưu chính và chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này) được bán theo kỳ nhất định, dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), chuyển tiền quốc tế, dịch vụ chứng khoán, xổ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ	Chỉ có 1 số trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ mới được đối soát dữ liệu và xuất hóa đơn trong vòng 7 ngày sau tháng cung cấp dịch vụ hoặc 7 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Thực tế thì các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác hầu như doanh nghiệp nào cũng cần phải đối soát dữ liệu thì mới xuất hóa đơn được. Dẫn tới khi thanh kiểm tra phát hiện doanh nghiệp bị xuất hóa đơn muộn thì lại phạt hành chính doanh nghiệp rất nặng (tính theo số hóa đơn bị xuất muộn).	Nới rộng thời điểm xuất hóa đơn sau 1 khoảng thời gian đối soát nhất định để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuân thủ việc xuất hóa đơn và tránh các lỗi phạt hành chính do xuất hóa đơn muộn vì không kịp đối soát và chốt dữ liệu.	Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	Tài chính, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.” Thông tư 32/2025/TT-BTC hướng dẫn NĐ 70/2025 có bổ sung thêm: 1. Các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác được lập hóa đơn theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) bao gồm: sản phẩm phái sinh theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thương mại được quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng, dịch			

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	vụ cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ của sở giao dịch hàng hóa, dịch vụ thông tin tín dụng, dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (đối với khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức).			
9	Theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 29/09/2021 (Điều 63), để được hưởng miễn, giảm thuế đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động cho vay tại Việt Nam theo Điều ước đã ký kết (trong trường hợp của IFC là Điều lệ của IFC), IFC hoặc tổ chức được ủy quyền cần nộp hồ sơ xin miễn, giảm thuế theo Điều ước Quốc tế tới cơ quan đăng ký thuế, trong đó bao gồm Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/DUQT ban hành kèm theo phụ lục I của Thông tư có xác nhận của cơ quan đề xuất ký kết Điều ước quốc tế cùng với các tài liệu liên quan.	Vướng mắc trong thủ tục xin miễn, giảm thuế theo điều ước quốc tế đối với khoản vay của các Tổ chức tài chính quốc tế - Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp cần thay mặt cho bên cho vay gửi Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/DUQT theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC tới Ngân hàng Nhà nước để xin xác nhận cho mục đích miễn thuế theo điều ước quốc tế. Tuy nhiên, cho đến nay, việc xác nhận tại Văn bản đề nghị miễn thuế vẫn chưa được Ngân hàng Nhà nước thực hiện. - Về vấn đề này, chúng tôi được biết Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính đã có rất nhiều các văn bản trao đổi qua lại và báo cáo Văn phòng Chính phủ. Nhưng đến nay, vẫn chưa có văn bản hướng dẫn nào chính thức được ban hành cho các doanh nghiệp để thực hiện. - Qua trao đổi chúng tôi được biết là TCT đang trao đổi nội bộ để đưa ra	Đề nghị Bộ Tài chính xem xét và phối hợp chỉ đạo các cơ quan hữu quan để nhanh chóng thúc đẩy quá trình xem xét và đưa ra giải pháp triệt để giúp tháo gỡ vướng mắc hiện nay liên quan đến hồ sơ thủ tục xin miễn, giảm thuế đối với thu nhập từ hợp đồng vay của IFC. Cụ thể, nhanh chóng ban hành mẫu và nội dung xác nhận để NHNN có thể ký xác nhận các doanh nghiệp có cơ sở xin miễn thuế theo điều ước quốc tế.	Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Goertek Vina Mã số thuế: 2301081197

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
		hướng xử lý và giải quyết các nội dung mà NHNN còn đang vướng mắc. Cụ thể, các bên đang thảo luận theo hướng sửa đổi các nội dung trong Mẫu 01/DUQT được ban hành kèm Thông tư 80/2021/TT-BTC để có thể đáp ứng được các yêu cầu của NHNN. Về vấn đề này doanh nghiệp đã gửi văn bản đầu tiên lên Cục thuế Bắc Ninh từ ngày 12/7/2022 đến nay đã hơn 2 năm. Doanh nghiệp cũng đã có các văn bản gửi lên Tổng Cục thuế và Chính phủ tuy nhiên, cho đến nay, việc xác nhận tại Văn bản đề nghị miễn thuế vẫn chưa được Ngân hàng Nhà nước thực hiện. Vì vậy, Doanh nghiệp không thể thực hiện quyền lợi được miễn giảm theo Điều ước.		
10	Khoản 1, điều 156, Luật số 80/2015/QH13 ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật như sau: “<i>Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực.</i> Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm	Áp dụng miễn thuế theo Điều ước quốc tế Chính Phủ Việt Nam (đại diện bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) đã ký kết một số thỏa thuận khung/bản ghi nhớ với một số tổ chức tài chính như: Công ty Tài chính Phát triển Hà Lan – gọi tắt FMO; Công ty Khuyến khích và Tham gia Hợp tác Kinh tế – gọi tắt PROPARCO; Công ty Tài chính Quốc tế – gọi tắt IFC, trong đó cam kết cho phép các tổ chức tài	Kính đề nghị Bộ Tài chính, Tổng cục thuế nghiên cứu, xem xét về vấn đề này, có hướng tháo gỡ kịp thời về thủ tục phù hợp với nguyên tắc hiệu lực tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhằm giúp các nhà đầu tư yên tâm vào việc thực thi hệ thống Pháp Luật của Việt Nam. Cụ thể là với những hợp đồng vay đã ký từ thời điểm trước khi có Thông tư 156 (tháng 12/2013) thì Doanh nghiệp không phải nộp hồ sơ áp dụng điều ước quốc tế do chưa có quy định. Các hợp đồng vay ký sau ngày hiệu lực của Thông tư 156 (ngày 20/12/2013) thì phải	Công ty TNHH Cảng Công-ten-nơ quốc tế Cái Lân Địa chỉ: 01 đường Cái Lân, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	<i>pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”.</i>	chính này được miễn mọi loại thuế trực tiếp hoặc gián tiếp đối với mọi hoạt động và giao dịch liên quan đến hỗ trợ phát triển và đối với các khoản thanh toán phải trả cho các Tổ chức này như gốc, lãi, cổ tức, phí bảo lãnh. Bộ Ngoại Giao Việt Nam cũng đã có văn bản xác nhận rằng Bản ghi nhớ và Thỏa thuận khung đều là Điều ước quốc tế mà Chính Phủ Việt Nam cần tuân thủ chặt chẽ với những cam kết đã ký. Về thủ tục hồ sơ để áp dụng miễn giảm thuế theo điều ước quốc tế: Trước tháng 12 năm 2013, Luật quản lý thuế và các văn bản dưới Luật không có hướng dẫn về thủ tục hồ sơ áp dụng miễn thuế theo điều ước quốc tế. Chỉ đến khi Thông tư 156/2013/TT-BTC ra đời (hiệu lực ngày 20/12/2013) mới có quy định về thủ tục áp dụng miễn Thuế theo điều ước quốc tế, trong đó quy định: “Trong phạm vi 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng với Bên Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho cơ quan thuế nơi đăng ký thuế hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế, gồm...”; Thông tư 156/2013/TT-BTC cũng không có quy định việc áp dụng hồi tố các thủ tục này đối với các hợp đồng đã được ký kết trước thời điểm Thông tư có hiệu lực.	gửi hồ sơ áp dụng miễn giảm theo điều ước quốc tế theo quy định.	

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
		Tuy nhiên thực tế, có cơ quan thuế có quan điểm yêu cầu DN phải có hồ sơ thông báo miễn thuế theo điều ước quốc tế đối với những hợp đồng đã được ký kết trước thời điểm quy định về hồ sơ thủ tục được ban hành thì mới chấp nhận cho miễn giảm Thuế theo quy định tại Điều ước quốc tế, tăng gánh nặng thủ tục hành chính cho DN.		
11	Công văn 3468/TCT-CS ngày 7/8/2024 của Tổng Cục thuế đang nêu: Liên quan đến vấn đề di chuyển nội bộ, Bộ Tài chính có công văn số 5476/BTC-CST ngày 07/5/2020 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai kết quả Diễn đàn VBF cuối kỳ năm 2019. Theo đó, tại Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam cuối kỳ 2019, Hiệp hội doanh nghiệp Châu Âu kiến nghị Chính Phủ sửa đổi các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp để công nhận thư bổ nhiệm là một tài liệu hợp pháp để chứng minh chi phí được khấu trừ (kiến nghị số 21). Tại công văn số 5476/BTC-CST ngày 07/5/2020, Bộ Tài chính có hướng dẫn đối với kiến nghị số 21 như sau: “Căn cứ các quy định của pháp luật về thuế TNDN, kiến nghị về	Với hướng dẫn như vậy dẫn tới việc các doanh nghiệp có trường hợp di chuyển nội bộ từ Công ty mẹ sang Việt Nam làm việc và không ký hợp đồng lao động bị cơ quan thuế chất vấn về tính hợp lý của chi phí lương và các khoản mang tính chất như lương, thưởng, phụ cấp.... là chi phí không được trừ cho quyết toán thuế TNDN và với doanh nghiệp thực hiện bồi hoàn khoản tiền lương, thưởng... không có lãi phụ trội mà Công ty mẹ thanh toán trước cho nhân viên được phái cử thì bị chất vấn rằng khoản thanh toán này phải đóng thuế nhà thầu với quan điểm công ty đang cung cấp dịch vụ nhân sự. ⇒ Không tương thích với quy định về lao động ví dụ như Nghị Định 152/2020/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài đang quy định	Để tránh việc áp đặt cứng nhắc làm tăng gánh nặng thủ tục cho DN, đề nghị quy định rõ Cho phép thư phái cử/thư bổ nhiệm là một tài liệu hợp pháp để chứng minh chi phí được khấu trừ chi phí và khoản bồi hoàn tiền lương thưởng không có khoản phụ trội không phải đối tượng chịu thuế nhà thầu nước ngoài.	Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	việc sửa đổi các quy định về thuế TNDN bổ sung thư bổ nhiệm là một tài liệu chứng minh để tính vào chi phí tiền lương tiền công của doanh nghiệp là chưa phù hợp.”	đối tượng áp dụng bao gồm cả trường hợp (i) thực hiện hợp đồng lao động và (ii) Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp.		
12	Thủ tục hành chính về việc điều chỉnh giấy phép, báo cáo trực tuyến	Mặc dù mục tiêu 2025 đã quy định “100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ.” Nhưng các Sở liên quan vẫn yêu cầu nộp kèm bản cứng như trước đây sau khi đã nộp trực tuyến	Đề nghị quy định rõ hồ sơ nào phải nộp bản cứng và hồ sơ nào chỉ nộp bản mềm trực tuyến để giảm bớt việc nộp bản giấy kèm theo sau khi doanh nghiệp đã nộp đính kèm báo cáo trực tuyến và được ghi nhận.	Vấn đề chung của nhiều doanh nghiệp
	Khoản 3, Điều 5, Nghị Định 125/2020/NĐ-CP quy định: ” Điều 5. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn 3. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm , trừ các trường hợp sau: a) Trường hợp cùng một thời điểm người nộp thuế khai sai một hoặc nhiều chỉ tiêu trên các hồ sơ thuế của cùng một sắc thuế thì hành vi khai sai thuộc trường hợp xử phạt về thủ tục thuế chỉ bị xử phạt về một hành	Quy định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính về		

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	vi khai sai chỉ tiêu trên hồ sơ thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần; b) Trường hợp cùng một thời điểm người nộp thuế chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế của nhiều kỳ tính thuế nhưng cùng một sắc thuế thì chỉ bị xử phạt về một hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện theo quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần. Trường hợp trong số hồ sơ khai thuế chậm nộp có hồ sơ khai thuế chậm nộp thuộc trường hợp trốn thuế thì tách riêng để xử phạt về hành vi trốn thuế; c) Trường hợp cùng một thời điểm người nộp thuế chậm nộp nhiều thông báo, báo cáo cùng loại về hóa đơn thì người nộp thuế bị xử phạt về một hành vi chậm nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần; d) Hành vi vi phạm về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn			

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	thuộc trường hợp bị xử phạt theo Điều 16, Điều 17 Nghị định này thì không bị xử phạt theo Điều 28 Nghị định này.” Căn cứ điểm b, Khoản 1, Điều 7, Nghị Định 125/2020/NĐ-CP Điều 7. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền khi xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn ... Hình thức xử phạt chínhb) Phạt tiền Phạt tiền tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn. Phạt tiền tối đa không quá 50.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn. Phạt tiền tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với người nộp thuế là tổ chức thực hiện hành vi vi phạm thủ tục thuế. Phạt tiền tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với người nộp thuế là cá nhân thực hiện hành vi vi phạm thủ tục thuế. b) Phạt tiền			

Stt	Quy định liên quan	Vấn đề bất cập	Khuyến nghị	Doanh nghiệp
	Phạt tiền tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn. Phạt tiền tối đa không quá 50.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn. Phạt tiền tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với người nộp thuế là tổ chức thực hiện hành vi vi phạm thủ tục thuế. Phạt tiền tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với người nộp thuế là cá nhân thực hiện hành vi vi phạm thủ tục thuế.			